

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp, quản lý, khai thác công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018; số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16/6/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018;

Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1038/TTr-SNNMT ngày 17/9/2025 (kèm Báo cáo thẩm định số 2551/BC-STP ngày 10/9/2025 của Sở Tư pháp); thực hiện kết luận phiên họp ngày 09/10/2025 của UBND tỉnh (Thông báo số 546/TB-UBND ngày 09/10/2025) và của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh (Thông báo số 14-TB/ĐU ngày 09/10/2025);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định phân cấp, quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp, quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30/10/2025 và thay thế Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Quản lý và Xây dựng công trình Thủy lợi;
- Cục Kiểm tra VB và QLXVPHC-Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- MTTQ VN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo-Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NL₁.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Báú Hà

QUY ĐỊNH

Phân cấp, quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2025/QĐ-UBND ngày/.../2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nội dung liên quan phân cấp, quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Những nội dung không có trong Quy định này thực hiện theo Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường (gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã), các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Nguyên tắc, điều kiện phân cấp, quản lý

1. Bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc quy định về phân cấp của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Căn cứ vào quy mô, nhiệm vụ, mức độ phức tạp về kỹ thuật và tầm quan trọng của công trình để phân cấp, quản lý; phân định rõ trách nhiệm giữa chức năng quản lý nhà nước và hoạt động khai thác, kinh doanh của đơn vị khai thác công trình thủy lợi.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi phải có đủ năng lực, kinh nghiệm phù hợp với quy mô, tính chất, yêu cầu kỹ thuật của từng công trình, hệ thống công trình theo quy định.

4. Đảm bảo an toàn công trình thủy lợi và phát huy hiệu quả khai thác đa mục tiêu các công trình thủy lợi trong đó có cấp nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, các ngành kinh tế khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình trên kênh là công trình xây dựng trên hệ thống kênh nhằm phân phối, điều tiết nước và phục vụ các mục đích kỹ thuật, dân sinh. Bao gồm: công lấy nước và phân phối nước ở đầu kênh; công điều tiết nước trên hệ thống; công tháo nước ở cuối kênh; công trình nối tiếp tại vị trí kênh chuyển nước qua chướng ngại vật (như cầu máng, công luồn, xi phong, dốc nước, bậc nước); công trình đo nước; cầu giao thông qua kênh; tràn bên; công trình khống chế bùn cát và các công trình khác phục vụ quản lý vận hành hệ thống kênh.

2. Kênh tiêu là kênh dẫn nước thừa từ mặt ruộng hoặc từ các đối tượng có nhu cầu tiêu nước đến công trình đầu mỗi tiêu để tiêu ra nơi nhận nước tiêu.

3. Công trình thủy lợi liên xã là công trình thủy lợi có liên quan hoặc phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho tổ chức, cá nhân hưởng lợi thuộc từ 02 xã, phường trở lên.

4. Kè là công trình thủy lợi được xây dựng để bảo vệ bờ sông, bờ kênh, bờ hồ, hoặc mái dốc của các công trình thủy lợi khác khỏi bị xói lở, sạt lở do tác động của dòng chảy, sóng, hoặc các yếu tố tự nhiên và nhân tạo.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý các công trình thủy lợi đã giao doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quản lý, khai thác và tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật khác có liên quan và quản lý các công trình thủy lợi như sau:

a) Đối với hồ chứa nước:

- Hồ chứa nước có dung tích thiết kế toàn bộ $\geq 500.000\text{m}^3$ hoặc hồ có chiều cao đập $\geq 10\text{m}$;

- Hồ chứa nước có phạm vi phục vụ tưới liên xã (không kể quy mô).

b) Đối với đập dâng:

- Đập dâng có chiều cao đập $\geq 10\text{m}$;

- Đập dâng có phạm vi phục vụ tưới liên xã (không kể quy mô).

c) Đối với trạm bơm:

Trạm bơm có tổng lưu lượng thiết kế từ $12.000\text{m}^3/\text{h}$ trở lên.

d) Đối với công tiêu thoát lũ, công ngăn mặn - giữ ngọt (trừ công qua đê):

Công có tổng chiều rộng thoát nước từ 10m trở lên và có yêu cầu quản lý vận hành phức tạp, liên quan đến nhiều địa phương.

đ) Đối với kênh tưới và công trình trên kênh thuộc công trình đầu mối tại điểm a, b, c khoản này:

Tính từ vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến công trình thủy lợi đầu mối. Việc xác định quy mô, vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thực hiện theo Điều 5.

e) Đối với kênh tiêu:

Kênh tiêu có lưu lượng từ $20\text{m}^3/\text{s}$ trở lên hoặc có chiều rộng đáy kênh từ 10 m trở lên và trên kênh có cống tiêu thoát lũ, cống ngăn mặn - giữ ngọt quy định tại điểm d khoản này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý các công trình thủy lợi như sau:

a) Đối với hồ chứa nước, đập dâng, trạm bơm, cống tiêu thoát lũ, cống ngăn mặn - giữ ngọt:

Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn trừ các công trình được quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này.

b) Đối với kè:

Kè thuộc phạm vi địa giới hành chính của xã, phường nào thì do Ủy ban nhân dân cấp xã đó quản lý.

c) Đối với kênh và công trình trên kênh:

- Kênh và công trình trên kênh thuộc các công trình thủy lợi đầu mối do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

- Kênh và công trình trên kênh kể từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến mặt ruộng đã được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

d) Đối với kênh tiêu:

Kênh tiêu thuộc phạm vi địa giới hành chính của xã, phường nào thì do Ủy ban nhân dân cấp xã đó quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này.

Điều 5. Vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

1. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là vị trí chuyển giao sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ được xác định theo quy mô thủy lợi nội đồng tại khoản 2 Điều này.

2. Quy mô thủy lợi nội đồng áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh được quy định theo diện tích tưới, tiêu thiết kế của khu vực tưới, tiêu đối với từng vùng như sau:

a) Vùng miền núi: Nhỏ hơn hoặc bằng 50ha;

Việc xác định xã miền núi được căn cứ theo phân vùng của Thủ tướng Chính phủ.

b) Vùng còn lại: Nhỏ hơn hoặc bằng 100ha.

Trường hợp tổ chức thủy lợi cơ sở đáp ứng điều kiện năng lực, việc mở rộng quy mô thủy lợi nội đồng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 6. Quản lý nhà nước về lĩnh vực thủy lợi

1. Thẩm quyền phê duyệt Phương án bảo vệ công trình thủy lợi

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Phương án đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

2. Thẩm quyền phê duyệt Quy trình vận hành công trình thủy lợi

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, công bố công khai Quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

3. Thẩm quyền thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Phê duyệt Kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã được giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì việc bảo trì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo trì công trình xây dựng, pháp luật về thủy lợi và pháp luật khác có liên quan. Đối với chi phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được tính vào giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi lập Kế hoạch bảo trì trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý (trong đó có các công trình đã có giá trị tài sản tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, các công trình do Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý) và Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực thủy lợi; hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn tỉnh; tham mưu công tác quản lý, khai thác (giao, nhận) các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với các công trình thủy lợi quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 và Điều 57 Luật Thủy lợi.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao các cơ quan, địa phương, đơn vị trong việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo đúng quy định hiện hành.

e) Tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền các nội dung về quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

f) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp hướng dẫn các địa phương, đơn vị các nội dung có liên quan trong thực hiện khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hoặc liên quan đến vốn nhà nước theo quy định hiện hành.

b) Quản lý, phân bổ kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo kế hoạch được duyệt cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi theo quy định.

c) Theo chức năng nhiệm vụ được giao tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn thuộc phạm vi quản lý để thực hiện công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

3. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, chỉ đạo các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trong việc quản lý, sử dụng lao động theo quy định hiện hành.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện quy định này.

b) Hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn; Hướng dẫn, chỉ đạo thành lập, củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực Tổ chức thủy lợi cơ sở để quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

c) Thực hiện các trách nhiệm thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao tại Điều 16 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

d) Phối hợp quản lý, bảo vệ mốc chỉ giới và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật khi để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được giao quản lý theo thẩm quyền.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy lợi theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 57 Luật Thủy lợi.

e) Thẩm định, phê duyệt hồ sơ xác định điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đối với các công trình được giao quản lý; báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức giao, nhận trên thực địa.

5. Các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo quy định.

b) Thực hiện các quyền và trách nhiệm tại Điều 53, Điều 54 Luật Thủy lợi; rà soát các trường hợp quy định tại điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP thực hiện đăng ký hoặc cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và các quy định liên quan khác của pháp luật hiện hành.

c) Sắp xếp bộ máy chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo năng lực đáp ứng theo quy định hiện hành của pháp luật.

d) Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

đ) Lập hồ sơ xác định điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đối với các công trình được giao quản lý, khai thác; trình thẩm định, phê duyệt theo quy định; tổ chức giao, nhận trên thực địa.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành.

Trường hợp các văn bản pháp luật liên quan có thay đổi làm cho nội dung Quy định này không còn phù hợp, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đảm bảo thống nhất với pháp luật hiện hành./.